TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2025/QĐST-HNGĐ	*Quảng Trị, ngày 29 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 68/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H; sinh năm 1986;

Số căn cước công dân: 044186003611; cấp ngày: 14/8/2021;

Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1981;

Số căn cước công dân: 044081002476; ngày cấp: 16/9/2021

Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trần Nhật M, sinh ngày 16/8/2012, Nguyễn Nhật D, sinh ngày 18/5/2018; bà H và ông N thỏa thuận: Sau khi ly hôn, giao con Nguyễn Trần Nhật M cho ông Nam trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Nhật D cho bà H cho đến khi các con đủ 18 tuổi. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

b) Về tài sản chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn N thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c) Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn N mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Bà H thỏa thuận nộp thay án phí ly hôn thay cho ông N. Tổng cộng án phí bà H phải chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tiền số: 0000652, ngày 09/10/2025. Bà H được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận*:*
- Các đương sự;
- VKSND KV4 - Quảng Trị;
- UBND xã.Trường Ninh, t.Quảng Trị (Để ghi chú vào sổ hộ tịch ĐKKH ngày 11/02/2011);
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

THẨM PHÁN

Châu Mạnh Cường